

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 805/2026/DS-PT

Ngày 18 - 9 - 2026

V/v tranh chấp “Ranh giới
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 155/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1351/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- Người đại diện uỷ quyền của bị đơn:

Ông **Nguyễn Trung N**, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: 8 N, khu phố D, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ liên hệ: Số D H, khu phố B, phường G, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản uỷ quyền ngày 03/02/2026.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1961;

3.2. Anh **Phạm Oanh B**, sinh năm 1985;

3.3. Anh **Phạm Quốc C1**, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3.4. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1953;

3.5. Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1977;

3.6. Chị **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1976;

3.7. Anh **Nguyễn Thanh D1**, sinh năm 1997;

3.8. Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 2001;

3.9. Chị **Nguyễn Thị Cẩm V1**, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Bị đơn – ông **Nguyễn Văn C**.

(Có mặt ông T, bà V1, ông N, bà Ú. Những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn - ông Phạm Văn T trình bày:

Hộ gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.700,5m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03494 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 29/8/2013, đất tọa lạc tại ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Thửa đất của hộ gia đình ông liền kề với thửa đất của ông Nguyễn Văn C, ranh đất là đường mương xổ nước dài khoảng 180m. Trước đây, tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2024 ông có yêu cầu yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả lại cho ông diện tích đất lấn chiếm như sau:

- Đoạn 1: Giáp kênh lấn ngang 0,3m, dài khoảng 40m;

- Đoạn 2: Lấn vô ngang khoảng 0,15m, dài 140m;

Yêu cầu ông C lấp lại phần đất bị sạt lở qua đất của ông ngang 0,2m, dài khoảng 20m thuộc thửa đất 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.700,5m² (đất lúa).

Tuy nhiên, qua quá trình đo đạc thực tế theo như Phiếu xác nhận kết quả đo đạc chỉnh lý thửa đất thì hộ gia đình ông C lấn qua đất của ông với diện tích

162,9m² nên ông đã sửa đổi, bổ sung yêu cầu so với đơn khởi kiện trước đây.

Nay ông yêu cầu ông C và các thành viên trong hộ trả lại cho ông phần đất có diện tích 162,9m², loại đất lúa, thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4700,5m² theo như đo đạc thực tế và ông thống nhất ranh giới giữa thửa đất 241 của ông và thửa đất của ông C đang tranh chấp theo ranh giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc chính lý thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G.

Đối với chi phí tố tụng ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, ai thua thì người đó phải chi trả hoàn toàn chi phí mà ông đã tạm ứng gồm chi phí thu thập chứng cứ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí lấy Phiếu xác nhận kết quả đo đạc chính lý thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G với số tiền là 4.681.583 đồng, yêu cầu trả khi có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, khi nào ông T chịu đo đạc theo chỉ ranh của ông thì ông mới ký biên bản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Thanh V, anh Phạm Quốc C1, Phạm Oanh B trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ú, anh Nguyễn Văn T1 thống nhất trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ruộng của hộ gia đình bị đơn là ruộng gốc từ ông bà xa xưa để lại trên hàng trăm năm giáp ranh với 13 hộ, ruộng của ai cũng có bờ nước để dẫn nước vào ruộng, còn bờ nước của gia đình bị đơn đã có hàng trăm năm nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Trần Thị Ngọc D, anh Nguyễn Thanh D1, anh Nguyễn Duy K, chị Nguyễn Thị Cẩm V1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp) căn cứ Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ (gồm có bà Nguyễn Thị Ú, anh Nguyễn Văn T1, chị Trần Thị Ngọc D, anh Nguyễn Thanh D1, anh Nguyễn Duy K, chị Nguyễn Thị Cẩm V1) phải trả cho hộ ông Phạm Văn T phần diện tích đã lấn chiếm có diện tích 162,9m²; mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.700,5m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH03494 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 29/8/2013 cho hộ ông Phạm Văn T tại vị trí 2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 04/11/2024, đất tại ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G kèm theo).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T do thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền mà ông T đã tạm ứng là 4.681.583 (Bốn triệu sáu trăm tám mươi một nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án đã làm ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét và giải quyết lại toàn bộ vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C còn trong thời hạn quy định nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Anh Phạm Quốc C1, Nguyễn Văn T1, chị Trần Thị Ngọc D, anh Nguyễn Thanh D1, anh Nguyễn Duy K, chị Nguyễn Thị Cẩm V1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; anh Phạm Oanh B có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ ông C trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 162,9m², loại đất lúa, thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 11, diện tích 4.700,5m², tọa lạc tại ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03494 do UBND huyện G cấp ngày 29/8/2013 cho hộ ông Phạm Văn T, đồng thời yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C phải trả chi phí tố tụng cho ông Phạm Văn T là 4.681.583 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên toà, hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn T và hộ ông Nguyễn Văn C thể hiện:

Vào ngày 14/6/1997, hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: 00490 đối với thửa đất 558, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.580m², mục đích sử dụng 2L. Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/1997 của ông Phạm Văn T thể hiện thửa đất này có nguồn gốc mua của ông Trần Văn C2.

Ngày 05/10/2012, hộ ông T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp GCN: CH03494 ngày 29/8/2013 (thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.700,5m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước). Quá trình đăng ký cấp đổi và được cấp đổi, diện tích thửa đất 241 tăng 120,5m².

Ngày 24/12/1997, hộ ông C được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: 00353 đối với thửa đất 560, 561, 562, 563, tờ bản đồ số 3 (Trong đó thửa đất 560 có diện tích 250m², mục đích sử dụng Ao; thửa đất 561 có diện tích 1.790m², mục đích sử dụng T.Vườn; thửa đất 562 có diện tích 200m², mục đích sử dụng Ao; thửa đất 563 có diện tích 2.990m², mục đích sử dụng 2L). Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/8/1997 của ông Nguyễn Văn C thể hiện các thửa đất này có nguồn gốc do cha Nguyễn Văn B1 qua đời năm 1992 để lại.

Ngày 10/10/2012, hộ ông C có đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất 560, 561, 562, 563, tờ bản đồ số 3. Ngày 11/10/2013, hộ ông C được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH000507 cấp đổi các thửa đất 561, 562, 560 thành thửa đất số 242, tờ bản đồ số 11 diện tích 2.957,6m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm; cấp đổi thửa 563 thành thửa đất số 240, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.998,3m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước. Quá trình đăng ký cấp đổi và được cấp đổi diện tích thửa đất 240 và 242 tăng 274,1m².

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trình bày ranh giới giữa các thửa đất từ trước đến nay sử dụng ổn định không có tranh chấp. Khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa thửa đất 240, 241, 242 thì hộ ông T và ông C không có ý kiến hay khiếu nại gì về diện tích hoặc ranh giới đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Phiếu xác nhận kết quả đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 04/11/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G thể hiện thửa đất 241 của ông T có diện tích sử dụng thực tế là 4537,6m² (giảm 162,9m² so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp). Phần diện tích 162,9m² đất này là một phần nương nước mà hộ ông Nguyễn Văn C đang sử dụng. Ông C cho rằng 162,9m² đất tranh chấp thuộc thửa đất 240 và 242 do ông C đại diện hộ gia đình đứng tên chủ sử dụng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, ông C và các thành viên chung hộ không đồng ý cho tiến hành đo đạc thửa 240 và thửa 242 để xác định ranh giới với thửa 241 của hộ ông T, nên Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 04/11/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G nêu trên, thì phần đất đang tranh chấp diện tích 162,9m² (kí hiệu vị trí S2) thuộc thửa đất 241, tờ bản đồ 11, diện tích 4700,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03494 ngày 29/8/2013 do Ủy ban nhân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Phạm Văn T. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông C và các thành viên chung hộ ông C phải trả cho ông T phần đất 162,9m² này, đồng thời buộc ông C phải trả cho ông T chi phí tố tụng 4,681.583 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn có đơn yêu cầu đo đạc thửa đất 240, 242 của ông C để chứng minh ông C không lấn chiếm đất của ông T. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn có cung cấp sơ đồ đo đạc ngày 29/5/ 2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực X - Đồng Tháp để hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, sơ đồ đo đạc này không được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận nên không được xem là chứng cứ.

Như vậy, ông C kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Tại giai đoạn phúc thẩm ông C có đơn xin miễn án phí phúc thẩm do là cao tuổi, được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296, Điều 157, Điều 158, Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp).

Căn cứ Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 201, Điều 202 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gồm có bà Nguyễn Thị Ú, anh Nguyễn Văn T1, chị Trần Thị Ngọc D, anh Nguyễn Thanh D1, anh Nguyễn Duy K, chị Nguyễn Thị Cẩm V1 phải trả cho hộ ông Phạm Văn T phần đất lấn chiếm có diện tích 162,9m²; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 4700,5m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03494 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 29/8/2013 cho hộ ông Phạm Văn T. (Phần đất tại vị trí 2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 04/11/2024). Địa chỉ thửa đất tại ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

(Có sơ đồ vị trí đất kèm theo)

1.2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn T chi phí thu thập chứng cứ, đo đạc, thẩm định tại chỗ là 4.681.583 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

1.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2/- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí phúc thẩm.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút ngày 18/9/2026, có mặt ông T, ông N và bà Ú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 02 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 02 - Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy